

Số: 494/BC-HĐQT-VISSAN

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2022

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY NĂM 2021

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

- Tên Công ty: Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản.
- Địa chỉ trụ sở chính: 420 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: +84.28 3553 3999 Fax: +84.28 3553 3939 Email: www.vissan.com.vn
- Vốn điều lệ: 809.143.000.000 đồng
- Mã chứng khoán: VSN
- Mô hình quản trị công ty: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc
- Về thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: chưa thực hiện

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông:

Thông tin về các cuộc họp và Nghị Quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm các Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản):

| STT | Số Nghị quyết / Quyết định | Ngày | Nội dung |
|-----|----------------------------|-----------|--|
| 1 | 01/NQĐHĐCĐ-VISSAN | 28/4/2021 | Thông qua các nội dung sau: (1) Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 đã được kiểm toán và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021; (2) Thông qua báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020; (3) Thông qua báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020; (4) Thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2020, phương án phân phối lợi nhuận kế hoạch và tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2021; (5) Thông qua quỹ tiền lương thực hiện của Trưởng ban kiểm soát chuyên trách, thù lao thực hiện của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2020 và Kế hoạch tiền lương của Chủ tịch Hội |

| STT | Số Nghị quyết / Quyết định | Ngày | Nội dung |
|-----|----------------------------|------|--|
| | | | <p>đồng quản trị chuyên trách, Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách, thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2021;</p> <p>(6) Lựa chọn công ty TNHH PwC (Việt Nam) thực hiện kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính năm 2021;</p> <p>(7) Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;</p> <p>(8) Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;</p> <p>(9) Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;</p> <p>(10) Thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát;</p> <p>(11) Thông qua việc miễn nhiệm và bầu thành viên Hội đồng quản trị thay thế;</p> <p>(12) Thông qua kết quả bầu cử thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021-2024.</p> |

II. Hội đồng quản trị

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT):

| STT | Thành viên HĐQT | Chức vụ | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT | |
|-----|----------------------|--------------|---|-----------------|
| | | | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
| 1 | Ông Nguyễn Phúc Khoa | Chủ tịch | 18/6/2020 | |
| 2 | Ông Nguyễn Ngọc An | Phó Chủ tịch | 18/6/2020 | |
| 3 | Ông Phạm Trung Lâm | Phó Chủ tịch | 18/6/2020 | |
| 4 | Ông Lê Minh Tuấn | Thành viên | 18/6/2020 | |
| 5 | Ông Huỳnh Quang Giàu | Thành viên | 18/6/2020 | 28/4/2021 |
| 6 | Ông Trương Vĩnh Tùng | Thành viên | 28/4/2021 | |

2. Các cuộc họp HĐQT:

| STT | Thành viên HĐQT | Số buổi họp HĐQT tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự |
|-----|----------------------|--------------------------|-------------------|---------------------|
| 1 | Ông Nguyễn Phúc Khoa | 2/2 | 100% | |
| 2 | Ông Nguyễn Ngọc An | 2/2 | 100% | |
| 3 | Ông Phạm Trung Lâm | 2/2 | 100% | |
| 4 | Ông Lê Minh Tuấn | 2/2 | 100% | |
| 5 | Ông Huỳnh Quang Giàu | 1/1 | 100% | |
| 6 | Ông Trương Vĩnh Tùng | 1/1 | 100% | |

3. Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Tổng Giám đốc:

Hiện có 02/05 thành viên Hội đồng quản trị tham gia điều hành Công ty. Việc cung cấp thông tin, báo cáo cho các thành viên không tham gia điều hành được thực hiện thường xuyên và đầy đủ, cụ thể:

- Tổng Giám đốc thường xuyên báo cáo Hội đồng quản trị về tình hình tài chính, tình hình đầu tư và sản xuất kinh doanh đến thời điểm hiện tại cũng như phương hướng trong thời gian tới để Hội đồng quản trị có ý kiến chỉ đạo. Trên cơ sở này, Hội đồng quản trị có điều kiện giám sát chặt chẽ Ban Tổng Giám đốc trong việc triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

- Tổng Giám đốc báo cáo tất cả các vấn đề phát sinh bất thường liên quan đến hoạt động của Công ty.

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có):

Hội đồng quản trị Công ty chưa thành lập các tiểu ban trực thuộc. Các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Hội đồng quản trị.

5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị năm 2021:

| STT | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày | Nội dung | Tỷ lệ thông qua |
|----------------------------|---------------------------|------------|--|-----------------|
| I. Nghị quyết HĐQT: | | | | |
| 1. | 238/NQHĐQT-VISSAN | 15/01/2021 | Chấp thuận tổ chức bán đấu giá thanh lý lô 06 xe ô tô. | 100% |

| STT | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày | Nội dung | Tỷ lệ thông qua |
|-----|------------------------------|------------|---|--------------------|
| 2. | 239/NQHĐQT-VISSAN | 15/01/2021 | Phê duyệt điều chỉnh các chi phí: thuế trước bạ, phí, lệ phí theo quy định của Nhà nước thuộc dự án mua sắm xe ô tô. | 100% |
| 3. | 521/NQHĐQT-VISSAN | 6/02/2021 | Phê duyệt kế hoạch tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021. | 100% |
| 4. | 728/NQHĐQT-VISSAN | 5/03/2021 | Chấp thuận chủ trương đăng ký tham gia chương trình bình ổn thị trường mặt hàng thịt heo năm 2021 và Tết Nhâm Dần năm 2022. | 80% |
| 5. | 945/NQHĐQT-VISSAN | 1/03/2021 | Thông qua việc xử lý xóa nợ đối với các khoản công nợ phải thu khó đòi đã quá hạn thanh toán. | 100% |
| 6. | 1078/NQHĐQT-VISSAN | 30/03/2021 | Chấp thuận cho Công ty Vissan nhận trước phần diện tích đất trồng thực tế theo tọa độ ghi nhận tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Itaco. | 100% |
| 7. | 2112/NQHĐQT-VISSAN | 26/04/2021 | <p>Để có cơ sở trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, HĐQT thông qua các nội dung sau:</p> <p>(1) Thống nhất kết quả số liệu hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 đã được kiểm toán và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021;</p> <p>(2) Thông qua trích lập quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2020, phương án phân phối lợi nhuận năm kế hoạch và mức tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2021;</p> <p>(3) Thông qua quỹ tiền lương thực hiện của Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách, thù lao thực hiện của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2020 và Kế hoạch tiền lương của Chủ tịch HĐQT chuyên trách, Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách, thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2021;</p> <p>(4) Thống nhất mức lương đối với Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty năm 2021;</p> <p>(5) Thống nhất với đề xuất của Ban Kiểm soát về việc lựa chọn Công ty TNHH PwC (Việt Nam) thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021;</p> <p>(6) Thống nhất thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;</p> | 100% |

| STT | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày | Nội dung | Tỷ lệ thông qua |
|-----|------------------------------|------------|---|--------------------|
| | | | (7) Thống nhất thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; (8) Thống nhất thông qua nội dung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị (9) Thống nhất thông qua các nội dung liên quan đến công tác nhân sự Hội đồng quản trị. | |
| 8. | 2113/NQHĐQT-VISSAN | 21/06/2021 | Chấp thuận cho Công ty vay vốn tín dụng ngắn hạn tại các ngân hàng. | 100% |
| 9. | 2534/NQHĐQT-VISSAN | 24/07/2021 | Phê duyệt ngưng triển khai đầu tư dự án ERP tại Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản. | 100% |
| 10. | 2977/NQHĐQT-VISSAN | 05/10/2021 | Chấp thuận chuyển đổi cổ phần phổ thông hạn chế chuyển nhượng thành cổ phần phổ thông tự do chuyển nhượng đối với cổ đông là người lao động đã thực hiện đủ thời gian cam kết làm việc tại Công ty. | 100% |
| 11. | 2983/NQHĐQT-VISSAN | 06/10/2021 | Phê duyệt loại bỏ 2 gói thầu; chấm dứt, thanh lý các Hợp đồng đã ký với các nhà thầu thực hiện Gói thầu số 21 và Gói thầu số 22. | 100% |
| 12. | 3041/NQHĐQT-VISSAN | 06/10/2021 | Thông qua các nội dung sau: (1) Căn cứ tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh 9 tháng đầu năm, Hội đồng quản trị đề nghị Ban Tổng Giám đốc tiếp tục có giải pháp tiết giảm chi phí, nâng cao năng suất lao động, phân đấu nỗ lực tối đa hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận do Đại hội đồng cổ đông giao. (2) Thống nhất kết quả đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của Người quản lý Công ty năm 2020. | 100% |
| 13. | 3260/NQHĐQT-VISSAN | 28/10/2021 | Thông qua nội dung phân công nhiệm vụ thành viên Hội đồng quản trị. | 100% |
| 14. | 3382/NQHĐQT-VISSAN | 09/11/2021 | Phê duyệt quyết toán tiền lương, thù lao, lao động bình quân năm 2020 và phương án lao động, tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2021 | 100% |
| 15. | 3845/NQHĐQT-VISSAN | 06/12/2021 | Phê duyệt điều chỉnh Quy chế quản lý nợ của Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản. | 100% |
| 16. | 3870/NQHĐQT-VISSAN | 10/12/2021 | Thông qua các nội dung sau: (1) Chấp thuận chủ trương phân cấp cho Tổng Giám đốc Công ty được quyết định các dự án | 100% |

| STT | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày | Nội dung | Tỷ lệ thông qua |
|-----|------------------------------|------------|---|--------------------|
| | | | đầu tư phát triển có tổng mức đầu tư đến 05 tỷ đồng. (2) Thông qua việc tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đề sửa đổi Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị liên quan đến việc điều chỉnh phân cấp cho Tổng Giám đốc. | |
| 17. | 4086/NQHĐQT-VISSAN | 29/12/2021 | Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế công bố thông tin của Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản. | 100% |

II. Quyết định HĐQT:

| | | | | |
|----|--------------------|------------|--|------|
| 1. | 946/QĐHĐQT-VISSAN | 08/02/2021 | Về việc thành lập Ban tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 | 100% |
| 2. | 1489/QĐHĐQT-VISSAN | 28/04/2021 | Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên, Hội đồng quản trị ban hành quy chế nội bộ về quản trị Công ty | 100% |
| 3. | 1490/QĐHĐQT-VISSAN | 28/04/2021 | Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên, Hội đồng quản trị ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị | 100% |
| 4. | 4087/QĐHĐQT-VISSAN | 29/12/2021 | Ban hành Quy chế công bố thông tin của Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản. | 100% |

III. Ban kiểm soát:

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS):

| STT | Thành viên BKS | Chức vụ | Ngày bắt đầu là thành viên BKS | Trình độ chuyên môn |
|-----|-----------------------|----------------|--------------------------------|--|
| 1 | Ông Trương Việt Tiến | Trưởng Ban | 11/4/2019 | Cử nhân kế toán doanh nghiệp, Cử nhân tin học kế toán. |
| 2 | Ông Tô Quốc Thái | Kiểm soát viên | 11/4/2019 | Thạc sĩ Tài chính ngân hàng, Cử nhân Luật kinh tế. |
| 3 | Bà Phạm Thị Thanh Tâm | Kiểm soát viên | 11/4/2018 | Cử nhân kế toán, kiểm toán. |

2. Cuộc họp của BKS:

| STT | Thành viên BKS | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Tỷ lệ biểu quyết | Lý do không tham dự họp |
|-----|-----------------------|---------------------|-------------------|------------------|-------------------------|
| 1 | Ông Trương Việt Tiến | 2/2 | 100% | 100% | |
| 2 | Ông Tô Quốc Thái | 2/2 | 100% | 100% | |
| 3 | Bà Phạm Thị Thanh Tâm | 2/2 | 100% | 100% | |

3. Hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát đối với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và cổ đông:

3.1. Kết quả giám sát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Trong năm 2021, qua quá trình giám sát, Ban kiểm soát không thấy điều gì bất thường trong các hoạt động quản trị Công ty của Hội đồng quản trị.

- Các Nghị quyết Hội đồng quản trị đã ban hành bảo đảm tuân thủ Điều lệ hoạt động của Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- Hội đồng quản trị đã tổ chức và duy trì đều đặn các phiên họp định kỳ, ngoài ra để ra các quyết định phê duyệt, chỉ đạo kinh doanh kịp thời, Hội đồng quản trị đã thực hiện lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Các thành viên Hội đồng quản trị tham gia đầy đủ, đã làm việc với tinh thần trách nhiệm cao và đưa ra các quyết định kịp thời để định hướng, chỉ đạo kinh doanh theo đúng các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và quy định của pháp luật.

3.2. Kết quả giám sát các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc:

- Trên cơ sở các chỉ tiêu kế hoạch, nội dung công việc đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua, Ban Tổng Giám đốc đã nỗ lực phấn đấu để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đảm bảo theo Điều lệ công ty và quy định pháp luật hiện hành.

- Ban Tổng Giám đốc thực hiện phân công nhiệm vụ rõ ràng, cụ thể cho từng thành viên phụ trách từng lĩnh vực.

- Định kỳ tổ chức giao ban toàn Công ty và họp với phụ trách từng đơn vị để rà soát đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh, giải quyết kịp thời các khó khăn vướng mắc trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của từng đơn vị.

3.3. Đối với cổ đông:

Đối với cổ đông, Ban kiểm soát thực hiện đúng theo nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

4. Sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác:

- Ban Kiểm soát đã tham dự tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đã đưa ra các ý kiến đối với chủ trương, quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc.

- Ban Kiểm soát đã chủ động thông báo, trao đổi và thống nhất với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác về các nội dung, kế hoạch kiểm tra,

giám sát tại Công ty và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã tạo điều kiện cho Ban Kiểm soát thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty khi có yêu cầu.

- Ban Kiểm soát cũng đồng thời nhận được các văn bản trong quá trình chỉ đạo điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

IV. Ban Điều hành:

| STT | Thành viên Ban điều hành | Ngày tháng năm sinh | Trình độ chuyên môn | Ngày bổ nhiệm thành viên Ban điều hành |
|-----|--------------------------|---------------------|--|--|
| 1 | Ông Nguyễn Ngọc An | 14/11/1963 | Thạc sỹ quản trị kinh doanh, Kỹ sư cơ khí, Cử nhân Anh văn | 22/6/2016 |
| 2 | Ông Nguyễn Đăng Phú | 03/08/1966 | Kỹ sư cơ khí | 22/6/2016 |
| 3 | Ông Phan Văn Dũng | 20/10/1971 | Thạc sỹ quản trị kinh doanh | 05/1/2018 |
| 4 | Ông Lê Minh Tuấn | 26/05/1968 | Cử nhân Tài chính doanh nghiệp, Cử nhân luật | 01/2/2018 |
| 5 | Ông Trương Hải Hưng | 16/08/1971 | Kỹ sư công nghệ hóa thực phẩm | 01/1/2020 |

V. Kế toán trưởng:

| STT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | Trình độ chuyên môn | Ngày bổ nhiệm |
|-----|--------------------|---------------------|---|---------------|
| 1 | Bà Đỗ Thị Thu Thủy | 22/08/1976 | Cử nhân kế toán, chứng chỉ kế toán trưởng | 01/10/2020 |

VI. Đào tạo về quản trị công ty:

Không có

VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty

1. Danh sách về người có liên quan của Công ty:

| STT | Tên tổ chức/ cá nhân | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty | Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan | Thời điểm không còn là người có liên quan | Lý do | Mối quan hệ liên quan với Công ty |
|--|-------------------------|--|---------------------------------|---|---|---|--|-------|---|
| A. Thành viên HĐQT | | | | | | | | | |
| 1. | Ông Nguyễn Phúc Khoa | | Chủ tịch HĐQT | | | 28/5/2016 | | | Người nội bộ |
| 2. | Ông Nguyễn Ngọc An | | Phó Chủ tịch HĐQT | | | 28/5/2016 | | | Người nội bộ |
| 3. | Ông Phạm Trung Lâm | | Phó Chủ tịch HĐQT | | | 28/5/2016 | | | Người nội bộ |
| 4. | Ông Lê Minh Tuấn | | Thành viên HĐQT | | | 18/6/2020 | | | Người nội bộ |
| 5. | Ông Huỳnh Quang Giàu | | Thành viên HĐQT | | | 5/4/2017 | 28/4/2021 | | Người nội bộ |
| 6. | Ông Trương Vĩnh Tùng | | Thành viên HĐQT | | | 28/4/2021 | | | Người nội bộ |
| B. Thành viên Ban Kiểm soát | | | | | | | | | |
| 1. | Ông Trương Việt Tiến | | Trưởng Ban | | | 11/4/2019 | | | Người nội bộ |
| 2. | Ông Tô Quốc Thái | | Kiểm soát viên | | | 11/4/2019 | | | Người nội bộ |
| 3. | Bà Phạm Thị Thanh Tâm | | Kiểm soát viên | | | 11/4/2018 | | | Người nội bộ |
| C. Thành viên Ban Tổng Giám đốc | | | | | | | | | |
| 1. | Ông Nguyễn Ngọc An | | Tổng Giám đốc | | | 5/4/2017 | | | Người nội bộ |
| 2. | Ông Nguyễn Đăng Phú | | Phó Tổng Giám đốc | | | 22/6/2016 | | | Người nội bộ |
| 3. | Ông Phan Văn Dũng | | Phó Tổng Giám đốc | | | 05/1/2018 | | | Người nội bộ |

| STT | Tên tổ chức/ cá nhân | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty | Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan | Thời điểm không còn là người có liên quan | Lý do | Mối quan hệ liên quan với Công ty |
|--|---|--|---------------------------------|---|---|---|--|---|---|
| 4. | Ông Lê Minh Tuân | | Phó Tổng Giám đốc | | | 01/2/2018 | | | Người nội bộ |
| 5. | Ông Trương Hải Hưng | | Phó Tổng Giám đốc | | | 01/1/2020 | | | Người nội bộ |
| D. Kế toán trưởng | | | | | | | | | |
| 1. | Bà Đỗ Thị Thu Thủy | | Kế toán trưởng | | | 1/10/2020 | | | Người nội bộ |
| E. Cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phiếu lưu hành có quyền biểu quyết | | | | | | | | | |
| 1 | Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn TNHH Một thành viên | | | 0300100 037, cấp ngày 25/11/2 010 tại TP. HCM | | 28/5/2016 | | | Tổ chức sở hữu 67,76 % cổ phiếu lưu hành có quyền biểu quyết |
| 2 | Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế | | | 3600618 918, cấp ngày 17/12/2 008, tại Đồng Nai | | 28/5/2016 | 7/12/2021 | Chuyển nhượng 20.180.02 6 CP cho Công ty Cổ phần Masan MeatLife | |
| 3 | Công ty Cổ phần Masan MeatLife | | | 0311224 517, cấp ngày 7/10/20 11, tại TP.HC M | | 7/12/2021 | | Nhận chuyển nhượng 20.180.02 6 CP từ Công ty Cổ phần Dinh dưỡng | Tổ chức sở hữu 24,94 % cổ phiếu lưu hành có |

| STT | Tên tổ chức/ cá nhân | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty | Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan | Thời điểm không còn là người có liên quan | Lý do | Mối quan hệ liên quan với Công ty |
|---|-------------------------|--|---------------------------------|---|---|---|--|---------------------------|---|
| | | | | | | | | Nông nghiệp Quốc tế | quyền biểu quyết |
| F. Người có liên quan của người nội bộ như bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý công ty: xem danh sách người liên quan của từng người nội bộ được quy định tại mục VIII, khoản 1. | | | | | | | | | |

2. Giao dịch giữa Công ty với người có liên quan của Công ty; hoặc giữa Công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ:

| STT | Tên tổ chức/ cá nhân | Mối quan hệ liên quan với Công ty | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Thời điểm thực hiện giao dịch với Công ty | Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch | Ghi chú |
|-----|---|---|---|---|---|--|---|------------|
| 1 | Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn TNHH Một thành viên | Tổ chức là người liên quan của người nội bộ | 030010003 7, cấp ngày 25/11/2010 tại TP. HCM | 275B Phạm Ngũ Lão, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh | Năm 2021 | | - Bán hàng hóa: 71.905.38 3 VND | |
| 2 | Công ty quản lý và kinh doanh Chợ Bình Điền | Tổ chức là người liên quan của người nội bộ | 030010003 7-009, cấp ngày 26/07/2006 tại TP. HCM | Đại lộ Nguyễn Văn Linh, khu phố 6, phường 7, Quận 8, TP.HCM | Năm 2021 | Nghị quyết số 03/NQHĐ QT - CTY của HĐQT ngày 13/02/201 7 | - Bán hàng hóa: 258.803.0 95 VND - Sử dụng dịch vụ: 112.596.5 98 VND | |
| 3 | Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH một thành viên - Kho lạnh Satra | Tổ chức là người liên quan của người nội bộ | 0300100037- 024, cấp ngày: 14/03/2013 tại TP. HCM | Lô 3, Khu thương mại Bình Điền, đường Nguyễn | Năm 2021 | | - Mua hàng hóa: 11.427.92 5.040 VND | |

| STT | Tên tổ chức/ cá nhân | Mối quan hệ liên quan với Công ty | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Thời điểm thực hiện giao dịch với Công ty | Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HDQT thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch | Ghi chú |
|-----|--|---|---|--|---|--|---|------------|
| | | | | Văn Linh, khu phố 6, P. 7, quận 8, TP.HCM | | | - Sử dụng dịch vụ: 8.064.570. 538 VND | |
| 4 | Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn – TNHH Một thành viên - Trung tâm Điều hành cửa hàng tiện lợi Satra | Tổ chức là người liên quan của người nội bộ | 0300100037 -025, cấp ngày 16/4/2013 tại TP. HCM | 455 Võ Văn Tần, phường 5, quận 3, TP. HCM | Năm 2021 | | - Bán hàng hóa: 198.095.8 89.348 VND - Sử dụng dịch vụ: 621.487.2 28 VND | |
| 5 | Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn – TNHH Một thành viên - Siêu thị Satra, đường Phạm Hùng | Tổ chức là người liên quan của người nội bộ | 030010003 7-020, cấp ngày 22/11/2011 tại TP. HCM | C6/27 Phạm Hùng, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, TP. HCM | Năm 2021 | | - Bán hàng hóa: 10.707.21 4.080 VND - Sử dụng dịch vụ: 47.215.63 8 VND | |
| 6 | Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn – TNHH Một thành viên - Siêu thị Sài Gòn | Tổ chức là người liên quan của người nội bộ | 0300100037- 004, cấp ngày 05/12/2006 tại TP. HCM | 460 đường Ba Tháng Hai, phường 12, quận 10, TP. HCM | Năm 2021 | | - Mua hàng hóa: 7.716.071 VND - Bán hàng hóa: 19.894.80 2.485 VND - Sử dụng dịch vụ: 100.012.3 20 VND | |

| STT | Tên tổ chức/ cá nhân | Mối quan hệ liên quan với Công ty | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Thời điểm thực hiện giao dịch với Công ty | Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch | Ghi chú |
|-----|---|---|---|--|---|--|--|------------|
| 7 | Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Quận 3 | Tổ chức là người liên quan của người nội bộ | 0301454021, cấp ngày: 28/9/2005 tại TP. HCM | 214B Lý Chính Thắng, phường 09, quận 3, TP HCM | Năm 2021 | | - Mua hàng hóa: 109.335.3 94 VND | |
| 8 | Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn – TNHH Một thành viên - Trung tâm phân phối Satra | Tổ chức là người liên quan của người nội bộ | 0300100037- 023, cấp ngày: 09/10/2012 tại TP. HCM | 204 – 206 Lê Thánh Tôn, phường Bến Thành, quận 1, TP. HCM | Năm 2021 | | - Mua hàng hóa: 694.678.6 25 VND - Sử dụng dịch vụ: 59.000.00 0 VND | |
| 9 | Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn – TNHH Một thành viên – Thương xá Tax | Tổ chức là người liên quan của người nội bộ | 0300100037- 003, cấp ngày: 05/12/2006 tại TP. HCM | 38 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. HCM | Năm 2021 | | - Mua hàng hóa: 18.000.00 0 VND - Bán hàng hóa: 161.527.2 96 VND - Sử dụng dịch vụ: 3.737.388 VND | |
| 10 | Công ty phát triển kinh tế Duyên Hải (COFIDEC) | Tổ chức là người liên quan của người nội bộ | 030010003 7-021, cấp ngày ngày 16/01/ 2012 tại TP. HCM | Lô C34/I, đường 2G, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, TP.HCM | Năm 2021 | | - Bán hàng hóa: 225.803.5 99 VND | |

| STT | Tên tổ chức/ cá nhân | Mối quan hệ liên quan với Công ty | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Thời điểm thực hiện giao dịch với Công ty | Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch | Ghi chú |
|-----|--|---|---|---|---|--|---|------------|
| 11 | Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên - Trung tâm thương mại Satra Củ Chi | Tổ chức là người liên quan của người nội bộ | 030010003 7-027, cấp ngày 31/07/2018 tại TP. HCM | 1239 Tỉnh Lộ 8, ấp Thạnh An, xã Trung An, huyện Củ Chi, TP. HCM | Năm 2021 | | - Bán hàng hóa: 3.768.619. 187 VND - Sử dụng dịch vụ: 25.080.58 8 VND | |
| 12 | Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên -Trung tâm điều hành bán lẻ Satra Cần Thơ | Tổ chức là người liên quan của người nội bộ | 030010003 7-026 cấp ngày 26/12/2016 tại Cần Thơ | 90B/3, đường 3 tháng 2, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Cần Thơ | Năm 2021 | | - Mua hàng hóa: 291.967.6 30 VND - Bán hàng hóa: 4.180.879. 688 VND - Sử dụng dịch vụ: 13.510.35 4 VND | |

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát:

- Không có.

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác:

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo).

- Không có.

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành là thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc điều hành.

- Không có.

4.3. Các giao dịch khác của Công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành.

- Không có.

VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ:

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ:

| STT | Họ tên | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú |
|---|----------------------|--|------------------------------|-------------------------------------|-----------------|----------------------------|-------------------------------|---------|
| A. Hội đồng quản trị | | | | | | | | |
| 1 | Nguyễn Phúc Khoa | | Chủ tịch HĐQT | | | 0 | 0 | |
| Người có liên quan của Ông Nguyễn Phúc Khoa: | | | | | | | | |
| 1.1 | Nguyễn Văn Danh | | | | | 0 | 0 | Cha |
| 1.2 | Phan Thị Phúc | | | | | 0 | 0 | Mẹ |
| 1.3 | Nguyễn Thị Kim Cương | | | | | 0 | 0 | Vợ |
| 1.4 | Nguyễn Phúc An Nhiên | | | | | 0 | 0 | Con |
| 1.5 | Nguyễn Phúc Khang | | | | | 0 | 0 | Con |
| 1.6 | Nguyễn Văn Tấn | | | | | 0 | 0 | Cha vợ |
| 1.7 | Ngô Thị Luôl | | | | | 0 | 0 | Me vợ |
| 1.8 | Nguyễn Phúc Quang | | | | | 0 | 0 | Anh |
| 1.9 | Hồ Thị Hồng Thúy | | | | | 0 | 0 | Chị dâu |
| 1.10 | Nguyễn Thị Tố Diễm | | | | | 0 | 0 | Chị |
| 1.11 | Nguyễn Thị Tố Quyên | | | | | 0 | 0 | Em |
| 1.12 | Nguyễn Phúc Khôi | | | | | 0 | 0 | Em |
| 1.13 | Nguyễn Thị Bảo Trân | | | | | 0 | 0 | Em dâu |

| STT | Họ tên | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú |
|------|--|--|---|--|--|----------------------------|-------------------------------|---------|
| 1.14 | Nguyễn Thị Tố Nhung | | | | | 0 | 0 | Em |
| 1.15 | Nguyễn Thị Tố Ngọc | | | | | 0 | 0 | Em |
| 1.16 | Lê Văn Thuận | | | | | 0 | 0 | Em rể |
| 1.18 | Công ty Cổ phần Kinh doanh Nông sản Kiên Giang | | Chủ tịch HĐQT | 170056661 0 cấp ngày 30/7/2009 tại Kiên Giang | 12 Lý Tự Trọng, Rạch Giá, Kiên Giang | 0 | 0 | |
| 1.19 | Công ty TNHH May mặc Xuất khẩu Tân Châu | | Chủ tịch HĐQT | 0300650217 cấp ngày 24/10/1998, tại TP. HCM | 65/5 QL 1A, P. Tân Thới Nhất, Quận 12, TP. HCM | 0 | 0 | |
| 1.20 | Tổng Công Ty TM Sài Gòn TNHH MTV (Satra) | | Đại diện vốn tại Vissan | 0300100037 cấp ngày 27/11/2010 tại TP. HCM | 275B Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. HCM | 54.829.878 | 67,76 % | |
| 2 | Ông Nguyễn Ngọc An | | Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc | | | 8.600 | 0,0106 % | |

Người có liên quan của Ông Nguyễn Ngọc An:

| | | | | | | | | |
|-----|----------------------|--|--|--|--|---|---|-----|
| 2.1 | Lê Thị Phụng | | | | | 0 | 0 | Mẹ |
| 2.2 | Nguyễn Thị Thu Hương | | | | | 0 | 0 | Vợ |
| 2.3 | Nguyễn Ngọc Thúy Vy | | | | | 0 | 0 | Con |
| 2.4 | Nguyễn Ngọc Thảo Vy | | | | | 0 | 0 | Con |
| 2.5 | Nguyễn Ngọc Lan Vy | | | | | 0 | 0 | Con |
| 2.6 | Nguyễn Thị Ngọc Linh | | | | | 0 | 0 | Chị |
| 2.7 | Nguyễn Ngọc Ân | | | | | 0 | 0 | Anh |

| STT | Họ tên | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú |
|---|--|--|------------------------------|--|------------------------------------|----------------------------|-------------------------------|---------|
| 2.8 | Nguyễn Văn Dũng | | | | | 0 | 0 | Em |
| 2.9 | Nguyễn Thị Tú Quyên | | | | | 0 | 0 | Em |
| 2.10 | Nguyễn Thị Tú Trinh | | | | | 0 | 0 | Em |
| 2.11 | Nguyễn Trường Ngân | | | | | 0 | 0 | Em |
| 2.12 | Nguyễn Văn Đa | | | | | 0 | 0 | Cha vợ |
| 2.13 | Phan Hùng | | | | | 0 | 0 | Anh rể |
| 2.14 | Nguyễn Thị Chiêu | | | | | 0 | 0 | Chị dâu |
| 2.15 | Nguyễn Thị Kim Đức | | | | | 0 | 0 | Em dâu |
| 2.16 | Trịnh Thanh Liêm | | | | | 0 | 0 | Em rể |
| 2.17 | Lê Xuân | | | | | 0 | 0 | Em rể |
| 2.18 | Lê Nguyễn Minh Ngọc | | | | | 0 | 0 | Em dâu |
| 2.19 | Tổng Công Ty TM Sài Gòn TNHH MTV (Satra) | | Đại diện vốn tại Vissan | 0300100037 cấp ngày 27/11/2010 tại TP. HCM | 275B Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. HCM | 54.829.878 | 67,76 % | |
| 3 | Ông Phạm Trung Lâm | | Phó Chủ tịch HĐQT | | | 0 | 0 | |
| Người có liên quan của Ông Phạm Trung Lâm: | | | | | | | | |
| 3.1 | Trần Thị Kim Loan | | | | | 0 | 0 | Mẹ |
| 3.2 | Lương Tuyết Nga | | | | | 0 | 0 | Vợ |
| 3.3 | Phạm Hùng Việt | | | | | 0 | 0 | Con |
| 3.4 | Phạm Hùng Anh | | | | | 0 | 0 | Con |
| 3.5 | Phạm Bích Chi | | | | | 0 | 0 | Chị |
| 3.6 | Phạm Trung Phong | | | | | 0 | 0 | Anh |

| STT | Họ tên | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú |
|------|--|--|------------------------------|--|---|----------------------------|-------------------------------|--|
| 3.7 | Phạm Bích Sơn | | | | | 0 | 0 | Chị |
| 3.8 | Phạm Bích Lan | | | | | 0 | 0 | Em |
| 3.9 | Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế | | Chủ tịch HĐQT | 360061891 8 cấp ngày 17/12/2008, tại Đồng Nai | Lô A4, đường số 2, KCN Sông Mây, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai | 0 | 0 | Chuyển nhượng 20.180.026 CP cho Công ty cổ phần Masan Meatlife |
| 3.10 | Công ty cổ phần Masan Meatlife | | Thành viên HĐQT | 031122451 7 cấp ngày 7/10/2011 tại TPHCM | Lầu 10, tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, P. Bến Nghé, Q.1, TPHCM | 20.180.026 | 24,94 % | Nhận chuyển nhượng 20.180.026 CP từ Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế |
| 3.11 | Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc | | Chủ tịch HĐQT | 360023453 4 cấp ngày 01/02/2008 tại Đồng Nai | Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | 0 | 0 | |
| 3.12 | Công ty TNHH MNS Feed | | Chủ tịch HĐQT | 360344749 9 cấp ngày 7/3/2017 tại Đồng Nai | (Trong khuôn viên Công ty cổ phần dinh dưỡng nông nghiệp quốc tế), Lô A4, Đường số 2, KCN Sông Mây, xã Bắc Sơn, | 0 | 0 | |

| STT | Họ tên | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú |
|------|-----------------------------------|--|------------------------------|--|--|----------------------------|-------------------------------|---------|
| | | | | | H. Trảng Bom, Đồng Nai | | | |
| 3.13 | Công ty TNHH MNS Feed Tiền Giang | | Chủ tịch công ty | 120144067 6 cấp ngày 22/4/2013 tại Tiền Giang | Lô 22, 23B KCN Long Giang, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, Tiền Giang | 0 | 0 | |
| 3.14 | Công ty TNHH MNS Feed Nghệ An | | Chủ tịch công ty | 290178192 3 cấp ngày 3/3/2015 tại Nghệ An | Khu C, KCN Nam Cẩm, Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc, Nghệ An | 0 | 0 | |
| 3.15 | Công ty TNHH MNS Feed Vĩnh Long | | Chủ tịch công ty | 150046776 4 cấp ngày 17/4/2007 tại Vĩnh Long | Khu IV tuyến công nghiệp Cổ Chiên, ấp Sơn Đông, xã Thanh Đức, huyện Long Hồ, Vĩnh Long | 0 | 0 | T.C.P |
| 3.16 | Công ty TNHH MNS Feed Thái Nguyên | | Chủ tịch công ty | 460107432 4 cấp ngày 27/4/2012 tại Thái Nguyên | Lô B5-B6, KCN Trung Thành, xã Trung Thành, thị xã Phố Yên, Thái | 0 | 0 | |



| STT | Họ tên | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú |
|------|---|--|------------------------------|---|--|----------------------------|-------------------------------|---------|
| | | | | | Nguyên | | | |
| 3.17 | Công ty TNHH MNS Feed Hậu Giang | | Chủ tịch công ty | 630026093 0 cấp ngày 3/4/2015 tại Hậu Giang | KCN Tân Phú Thạnh – giai đoạn 1, xã Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A, Hậu Giang | 0 | 0 | |
| 3.18 | Công ty TNHH MTV Dinh dưỡng nông nghiệp quốc tế Bình Định | | Chủ tịch công ty | 410135494 0 cấp ngày 24/4/2012 tại Bình Định | Lô B4.06 KCN Nhơn Hội (Khu A), Khu Kinh tế Nhơn Hội, xã Nhơn Hội, TP Quy Nhơn, Bình Định | 0 | 0 | |
| 3.19 | Công ty TNHH MTV Con cò Bình Định | | Chủ tịch công ty | 410134496 7 cấp ngày 19/4/2012 tại Bình Định | Lô A 2-5 và Lô A 2-6, KCN Nhơn Hòa, xã Nhơn Thọ, Tx An Nhơn, Bình Định | 0 | 0 | |
| 3.20 | Công ty TNHH sản xuất và thương mại Proconco Hưng Yên | | Chủ tịch công ty | 090070477 8 cấp ngày 5/8/2011 tại Hưng Yên | Thôn Yên Phú, xã Giai Phạm, Huyện Yên Mỹ, Hưng Yên | 0 | 0 | |
| 3.21 | Công ty TNHH MTV Proconco Cần Thơ | | Chủ tịch công ty | 180109988 1 cấp ngày | Lô đất số 13-14, KCN Trà | 0 | 0 | |

| STT | Họ tên | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú |
|------|-------------------------------|--|------------------------------|--|--|----------------------------|-------------------------------|---------|
| | | | | 16/12/2009 tại Cần Thơ | Nóc 1, P. Trà Nóc, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ | | | |
| 3.22 | Công ty TNHH MNS Farm Nghệ An | | Chủ tịch công ty | 290185287 8 cấp ngày 9/6/2016 tại Nghệ An | Xóm Cồn Sơn, xã Hạ Sơn, huyện Quỳnh Hợp, Nghệ An | 0 | 0 | |
| 3.23 | Công ty TNHH MNS Meat | | Chủ tịch công ty | 360338309 0 cấp ngày 6/6/2016 tại Đồng Nai | (Trong khuôn viên Công ty cổ phần dinh dưỡng nông nghiệp quốc tế), Lô A4, Đường số 2, KCN Sông Mây, xã Bắc Sơn, H. Trảng Bom, Đồng Nai | 0 | 0 | |
| 3.24 | Công ty TNHH MNS Meat Hà Nam | | | 070079378 8 cấp ngày 14/8/2017 tại Hà Nam | Lô CN-02, KCN Đồng Văn IV, xã Đại Cương, huyện Kim Bảng, Hà Nam | 0 | 0 | |
| 3.25 | Công ty TNHH MNS Meat Sài Gòn | | Chủ tịch công ty | 031558353 1 cấp ngày 26/3/2019 tại TPHCM | Lô 2, đường 15, Lô 3-5-7 đường 17, lô 9 đường 19, KCN Tân Đức, xã | 0 | 0 | |

| STT | Họ tên | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú |
|--|--|--|---|---|--|----------------------------|-------------------------------|---------|
| | | | | | Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, Long An | | | |
| 3.26 | Công ty Cổ phần sản xuất Thương mại Dịch vụ Đồng Nai | | Thành viên HĐQT | 3602229025 cấp ngày 9/2/2010 tại Đồng Nai | 197 Hà Huy Giáp, P. Quyê Thắng, TP. Biên Hòa, Đồng Nai | 0 | 0 | |
| 4 | Ông Lê Minh Tuấn | | Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc | | | 0 | 0 | |
| Người liên quan của Ông Lê Minh Tuấn: | | | | | | | | |
| 4.1 | Nguyễn Thị Hạ | | | | | 0 | 0 | Mẹ |
| 4.2 | Lương Thị Kim Sơn | | | | | 0 | 0 | Vợ |
| 4.3 | Đình Thị Thuận | | | | | 0 | 0 | Mẹ vợ |
| 4.4 | Lê Minh Khôi | | | | | 0 | 0 | Con |
| 4.5 | Lê Minh Phúc | | | | | 0 | 0 | Con |
| 4.6 | Lê Minh Trang | | | | | 0 | 0 | Anh |
| 4.7 | Lê Thị Ngọc Thanh | | | | | 0 | 0 | Chị |
| 4.8 | Trần Văn Trót | | | | | 0 | 0 | Anh rể |
| 4.9 | Lê Thị Ngọc Thúy | | | | | 0 | 0 | Chị |
| 4.10 | Nguyễn Thành Hiến | | | | | 0 | 0 | Anh rể |
| 4.11 | Lê Minh Hoàng | | | | | 0 | 0 | Anh |
| 4.12 | Trần Thị Nim | | | | | 0 | 0 | Chị dâu |

| STT | Họ tên | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú |
|--|--|--|------------------------------|--|------------------------------------|----------------------------|-------------------------------|--------------------------------|
| 4.13 | Lê Minh Tú | | | | | 0 | 0 | Em |
| 4.14 | Lê Thị Ngọc Dung | | | | | 0 | 0 | Em |
| 4.15 | Bùi Thanh Xuân | | | | | 0 | 0 | Em rể |
| 4.16 | Lê Thị Ngọc Mai | | | | | 0 | 0 | Em |
| 4.17 | Phạm Hữu Anh Huân | | | | | 0 | 0 | Em rể |
| 4.18 | Tổng Công Ty TM Sài Gòn TNHH MTV (Satra) | | Đại diện vốn tại Vissan | 0300100037 cấp ngày 27/11/2010 tại TP. HCM | 275B Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. HCM | 54.829.878 | 67,76 % | |
| 5 | Ông Huỳnh Quang Giàu | | Thành viên HĐQT | | | 200 | 0,0002 % | Miễn nhiệm từ 28/4/2021 |
| Người liên quan của Ông Huỳnh Quang Giàu: | | | | | | | | |
| 5.1 | Huỳnh Quang Sang | | | | | 0 | 0 | Cha |
| 5.2 | Nguyễn Thị Xuân Thu | | | | | 0 | 0 | Mẹ |
| 5.3 | Huỳnh Thị Thùy Trang | | | | | 0 | 0 | Vợ |
| 5.4 | Huỳnh Văn Quang | | | | | 0 | 0 | Cha vợ |
| 5.5 | Phan Thị Lệ Hà | | | | | 0 | 0 | Mẹ vợ |
| 5.6 | Huỳnh Ngọc Tú | | | | | 0 | 0 | Con |
| 5.7 | Huỳnh Bảo Ngọc Trân | | | | | 0 | 0 | Con |
| 5.8 | Huỳnh Quang Thanh | | | | | 0 | 0 | Em ruột |
| 5.9 | Nguyễn Thị Phượng Hoàng | | | | | 0 | 0 | Em dâu |

| STT | Họ tên | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú |
|--|--|--|---|--|------------------------------------|----------------------------|-------------------------------|-----------------------|
| 5.10 | Huỳnh Thị Thanh Thủy | | | | | 0 | 0 | Em ruột |
| 5.11 | Cao Thanh Tú | | | | | 0 | 0 | Em rể |
| 5.12 | Huỳnh Quang Tuấn | | | | | 0 | 0 | Em ruột |
| 5.13 | Đặng Thanh Vy | | | | | 0 | 0 | Em dâu |
| 5.14 | Tổng Công Ty TM Sài Gòn TNHH MTV (Satra) | | Kế toán trưởng, Đại diện vốn tại Vissan | 0300100037 cấp ngày 27/11/2010 tại TP. HCM | 275B Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. HCM | 54.829 .878 | 67,76 % | |
| 6 | Ông Trương Vĩnh Tùng | | Thành viên HĐQT | | | 0 | 0 | Bổ nhiệm từ 28/4/2021 |
| Người liên quan của Ông Trương Vĩnh Tùng: | | | | | | | | |
| 6.1 | Trương Vĩnh Trọng | | | | | 0 | 0 | Ba |
| 6.2 | Hồ Công Cấn | | | | | 0 | 0 | Mẹ |
| 6.3 | Phạm Thị Nguyên | | | | | 0 | 0 | Vợ |
| 6.4 | Trương Vĩnh Trọng Quốc | | | | | 0 | 0 | con |
| 6.5 | Trương Vĩnh Trọng Vương | | | | | 0 | 0 | con |
| 6.6 | Trương Thị Thanh Trúc | | | | | 0 | 0 | Em |
| 6.7 | Nguyễn Thị Sáu | | | | | 0 | 0 | Mẹ vợ |
| 6.8 | Phạm Văn Tân | | | | | 0 | 0 | Anh vợ |
| 6.9 | Đoàn Thị Giang | | | | | 0 | 0 | Chị dâu |
| 6.10 | Phạm Thị Phi | | | | | 0 | 0 | Chị vợ |

| STT | Họ tên | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú |
|------|--|--|--|---|------------------------------------|----------------------------|-------------------------------|---------|
| 6.11 | Nguyễn Văn Bé Năm | | | | | 0 | 0 | Anh rể |
| 6.12 | Phạm Thị Nềm | | | | | 0 | 0 | Chị vợ |
| 6.13 | Nguyễn Văn Út | | | | | 0 | 0 | Anh rể |
| 6.14 | Phạm Thị Thắm | | | | | 0 | 0 | Chị vợ |
| 6.15 | Trần Văn Thế | | | | | 0 | 0 | Anh rể |
| 6.16 | Phạm Thị Đần | | | | | 0 | 0 | Chị vợ |
| 6.17 | Lương Văn Toàn | | | | | 0 | 0 | Anh rể |
| 6.18 | Phạm Thị Ằm | | | | | 0 | 0 | Chị vợ |
| 6.19 | Đặng Văn Út | | | | | 0 | 0 | Anh rể |
| 6.20 | Phạm Văn Thới | | | | | 0 | 0 | Anh vợ |
| 6.21 | Phạm Thị Thúy Kiều | | | | | 0 | 0 | Chị dâu |
| 6.22 | Phạm Thành Được | | | | | 0 | 0 | Anh vợ |
| 6.23 | Trần Thị Tuyền | | | | | 0 | 0 | Chị dâu |
| 6.24 | Phạm Thị Tuyền | | | | | 0 | 0 | Chị vợ |
| 6.25 | Nguyễn Ngọc Thảo | | | | | 0 | 0 | Anh rể |
| 6.26 | Tổng Công Ty TM Sài Gòn TNHH MTV (Satra) | | Phó Tổng Giám đốc, Đại diện vốn tại Vissan | 0300100037 cấp ngày 15/7/1998 tại TP. HCM | 275B Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP.HCM | 54.829 .878 | 67,76 % | |
| 6.27 | Công ty CP Ánh Dương Việt Nam (Vinasun) | | Thành viên HĐQT | 4103001723 cấp ngày 17/7/2003 tại TPHCM | 648 Nguyễn Trãi, P.11, Q.5, TP.HCM | 0 | 0 | |

| STT | Họ tên | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú |
|---|--|--|---------------------------------|---|-----------------------------------|----------------------------|-------------------------------|---------|
| B. Ban Kiểm soát | | | | | | | | |
| 1 | Ông Trương Việt Tiên | | Trưởng Ban Kiểm soát | | | 0 | 0 | |
| Người có liên quan của Ông Trương Việt Tiên: | | | | | | | | |
| 1.1 | Trương Việt Quốc | | | | | 0 | 0 | Cha |
| 1.2 | Nguyễn Thị Diệp | | | | | 0 | 0 | Mẹ |
| 1.3 | Chu Thị Hoàng Anh | | | | | 0 | 0 | Vợ |
| 1.4 | Chu Khắc Minh | | | | | 0 | 0 | Cha vợ |
| 1.5 | Nguyễn Thị Kim Thu | | | | | 0 | 0 | Mẹ vợ |
| 1.6 | Trương Hoàng Anh Mi | | | | | 0 | 0 | Con |
| 1.7 | Trương Việt Tân | | | | | 0 | 0 | Em |
| 1.8 | Tổng Công Ty TM Sài Gòn TNHH MTV (Satra) | | Đại diện vốn tại Vissan | 0300100037 cấp ngày 15/7/1998 tại TP. HCM | 275B Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP.HCM | 54.829.878 | 67,76 % | |
| 2 | Ông Tô Quốc Thái | | Thành viên Ban Kiểm soát | | | 0 | 0 | |
| Người có liên quan của Ông Tô Quốc Thái: | | | | | | | | |
| 2.1 | Nguyễn Thị Diệu Hương | | | | | 0 | 0 | Mẹ |
| 2.2 | Huỳnh Thị Yến Nhi | | | | | 0 | 0 | Vợ |
| 2.3 | Trần Thị Hương | | | | | 0 | 0 | Mẹ vợ |
| 2.4 | Tô Gia Bửu | | | | | 0 | 0 | Con |
| 2.5 | Tô Quốc Phong | | | | | 0 | 0 | Em |

| STT | Họ tên | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú |
|---|---|--|---------------------------------|---|--|----------------------------|-------------------------------|----------|
| 2.6 | Tô Thị Duyên | | | | | 0 | 0 | Em |
| 2.7 | Trần Xuân Lộc | | | | | 0 | 0 | Em rể |
| 2.8 | Tô Quốc Khang | | | | | 0 | 0 | Em |
| 2.9 | Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn TNHH Một thành viên | | Đại diện vốn tại Vissan, | 0300100037 cấp ngày 15/7/1998 tại TP. HCM | 275B Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. HCM | 54.829.878 | 67,76 % | |
| 2.10 | Công ty TNHH May mặc Xuất khẩu Tân Châu | | Kiểm soát viên | 0300650217 cấp ngày 24/10/1998, tại TP. HCM | 65/5 QL 1A, P. Tân Thới Nhất, Quận 12, TP. HCM | 0 | 0 | |
| 2.11 | Công ty TNHH TM Sài Gòn Song Kim | | Thành viên HĐQTV | 0303903586 cấp ngày 27/4/2005, tại TP.HCM | 74 Lê Lợi, P.4, Q. Gò Vấp, Tp.HCM | 0 | 0 | |
| 3 | Bà Phạm Thị Thanh Tâm | | Thành viên Ban Kiểm soát | | | 0 | 0 | |
| Người liên quan của Bà Phạm Thị Thanh Tâm: | | | | | | | | |
| 3.1 | Phạm Văn Toàn | | | | | 0 | 0 | Cha |
| 3.2 | Trần Thị Mỹ Tường | | | | | 0 | 0 | Mẹ |
| 3.3 | Lê Thị Diệp | | | | | 0 | 0 | Mẹ chồng |
| 3.4 | Lê Công Đoàn | | | | | 0 | 0 | Chồng |
| 3.5 | Lê Phạm Quốc Thắng | | | | | 0 | 0 | Con |
| 3.6 | Lê Phạm Quốc Việt | | | | | 0 | 0 | Con |
| 3.7 | Phạm Việt Tiến | | | | | 0 | 0 | Anh |
| 3.8 | Phạm Thị Cẩm Tú | | | | | 0 | 0 | Chị |

| STT | Họ tên | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú |
|------|--|--|-------------------------------|--|---|----------------------------|-------------------------------|---------|
| 3.9 | Phạm Thị Ngọc Trâm | | | | | 0 | 0 | Em |
| 3.10 | Nguyễn Thị Duyên | | | | | 0 | 0 | Chị dâu |
| 3.11 | Trần Quốc Dũng | | | | | 0 | 0 | Anh rể |
| 3.12 | Thái Anh Kiệt | | | | | 0 | 0 | Em rể |
| 3.13 | Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất thức ăn gia súc | | Giám đốc Kế hoạch – Tài chính | 4720310003 90, cấp ngày 01/02/2008 tại Đồng Nai | Đường số 9, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | 0 | 0 | |

C. Ban Tổng Giám đốc

| | | | | | | | | |
|---|--------------------|--|---------------|--|--|-------|----------|--|
| 1 | Ông Nguyễn Ngọc An | | Tổng Giám đốc | | | 8.600 | 0,0106 % | |
|---|--------------------|--|---------------|--|--|-------|----------|--|

Người liên quan của Ông Nguyễn Ngọc An: tham khảo tại mục A. HĐQT

| | | | | | | | | |
|---|---------------------|--|-------------------|--|--|---|---|--|
| 2 | Ông Nguyễn Đăng Phú | | Phó Tổng Giám đốc | | | 0 | 0 | |
|---|---------------------|--|-------------------|--|--|---|---|--|

Người liên quan đến Ông Nguyễn Đăng Phú:

| | | | | | | | | |
|-----|------------------------|--|--|--|--|---|---|--------|
| 2.1 | Phạm Thị Tinh | | | | | 0 | 0 | Mẹ |
| 2.2 | Nguyễn Thị Thu Hồng | | | | | 0 | 0 | Vợ |
| 2.3 | Nguyễn Khắc Sâm | | | | | 0 | 0 | Cha vợ |
| 2.4 | Nguyễn Thị Tuyết Trinh | | | | | 0 | 0 | Con |
| 2.5 | Triệu Huy Long | | | | | 0 | 0 | Con rể |
| 2.6 | Nguyễn Đăng Khôi | | | | | 0 | 0 | Con |
| 2.7 | Nguyễn Đăng Thanh | | | | | 0 | 0 | Anh |

| STT | Họ tên | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú |
|--|--------------------------|--|------------------------------|-------------------------------------|-----------------|----------------------------|-------------------------------|---------|
| 2.8 | Tạ Kim Liên | | | | | 0 | 0 | Chị dâu |
| 2.9 | Nguyễn Đăng Phong | | | | | 0 | 0 | Anh |
| 2.10 | Chu Phương Phúc Hiền | | | | | 0 | 0 | Chị dâu |
| 3 | Ông Phan Văn Dũng | | Phó Tổng Giám đốc | | | 400 | 0,0005 % | |
| Người liên quan đến Ông Phan Văn Dũng: | | | | | | | | |
| 3.1 | Phan Văn Châu | | | | | 0 | 0 | Cha |
| 3.2 | Ngô Thị Diệp | | | | | 0 | 0 | Mẹ |
| 3.3 | Nguyễn Thị Quỳnh Lương | | | | | 0 | 0 | Vợ |
| 3.4 | Phan Thị Trường An | | | | | 0 | 0 | Con |
| 3.5 | Phan Văn Hiền Nhân | | | | | 0 | 0 | Con |
| 3.6 | Phan Chi Lan | | | | | 0 | 0 | Con |
| 3.7 | Phan Thị Thanh | | | | | 0 | 0 | Chị |
| 3.8 | Vũ Thanh Thường | | | | | 0 | 0 | Anh rể |
| 3.9 | Phan Văn Vĩnh | | | | | 0 | 0 | Em |
| 3.10 | Trịnh Thị Vỹ | | | | | 0 | 0 | Em dâu |
| 3.11 | Phan Thị Mỹ Lệ | | | | | 0 | 0 | Em |
| 3.12 | Đặng Tấn Hợi | | | | | 0 | 0 | Em rể |
| 3.13 | Phan Thị Kim Nhi | | | | | 0 | 0 | Em |
| 3.14 | Lê Kim Đạt | | | | | 0 | 0 | Em rể |
| 4 | Ông Lê Minh Tuấn | | Phó Tổng Giám đốc | | | 0 | 0 | |
| Người liên quan đến Ông Lê Minh Tuấn: tham khảo tại mục A. HĐQT | | | | | | | | |

| STT | Họ tên | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú |
|---|-----------------------|--|------------------------------|-------------------------------------|-----------------|----------------------------|-------------------------------|---------|
| 5 | Ông Trương Hải Hưng | | Phó Tổng Giám đốc | | | 4.200 | 0,0052 % | |
| Người liên quan đến Ông Trương Hải Hưng: | | | | | | | | |
| 5.1 | Trương Văn Đạt | | | | | 0 | 0 | Cha |
| 5.2 | Lê Thị Thìn | | | | | 0 | 0 | Mẹ |
| 5.3 | Trần Hạnh Tiến | | | | | 0 | 0 | Vợ |
| 5.4 | Trương Văn Thành | | | | | 0 | 0 | Anh |
| 5.5 | Huỳnh Phương Nhi | | | | | 0 | 0 | Chị dâu |
| 5.6 | Trương Thị Thanh Thùy | | | | | 0 | 0 | Chị |
| 5.7 | Nguyễn Thanh Sơn | | | | | 0 | 0 | Anh rể |
| 5.8 | Trương Văn Hòa | | | | | 0 | 0 | Anh |
| 5.9 | Mai Thị Bích Phượng | | | | | 0 | 0 | Chị dâu |
| 5.10 | Trương Đình Vân | | | | | 0 | 0 | Anh |
| 5.11 | Đoàn Thị Thu Loan | | | | | 0 | 0 | Chị dâu |
| 5.12 | Trương Thị Ngân | | | | | 0 | 0 | Em |
| 5.13 | Trương Văn Quý | | | | | 0 | 0 | Em |
| 5.14 | Hoàng Thùy Lâm | | | | | 0 | 0 | Em dâu |
| 5.15 | Trương Hoàng Quân | | | | | 0 | 0 | Con |
| 5.16 | Trương Hoàng Nam | | | | | 0 | 0 | Con |

| STT | Họ tên | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú |
|---|--------------------|--|------------------------------|-------------------------------------|-----------------|----------------------------|-------------------------------|-----------|
| D. Kế toán trưởng: | | | | | | | | |
| 1 | Bà Đỗ Thị Thu Thủy | | Kế toán trưởng | | | 200 | 0,0002 % | |
| Người liên quan của Bà Đỗ Thị Thu Thủy | | | | | | | | |
| 2.1 | Khiếu Hoàng Lâm | | | | | 0 | 0 | Chồng |
| 2.2 | Khiếu Văn Giáp | | | | | 0 | 0 | Cha chồng |
| 2.3 | Mai Thị Thiện | | | | | 0 | 0 | Mẹ chồng |
| 2.2 | Khiếu Hoàng Hải | | | | | 0 | 0 | Con |
| 2.3 | Khiếu Hoàng Sơn | | | | | 0 | 0 | Con |
| 2.4 | Đỗ Liêm Cần | | | | | 0 | 0 | Anh |
| 2.5 | Võ Thị Ngọc Hà | | | | | 0 | 0 | Chị dâu |

2. Giao dịch của người nội bộ, người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty:

| Stt | Người thực hiện giao dịch | Quan hệ với người nội bộ | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ | | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | | Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) |
|-----|--|---|---------------------------|--------|----------------------------|--------|--|
| | | | Số cổ phiếu | Tỷ lệ | Số cổ phiếu | Tỷ lệ | |
| 1 | Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế | Tổ chức là người liên quan của ông Phạm Trung Lâm - người nội bộ của Công ty Vissan | 20.180.026 | 24,94% | 0 | 0% | Chuyển nhượng cho Công ty Cổ phần Masan MeatLife |
| 2 | Công ty Cổ phần Masan MeatLife | Tổ chức là người liên quan của ông Phạm Trung Lâm - người nội bộ của Công ty Vissan | 0 | 0% | 20.180.026 | 24,94% | Nhận chuyển nhượng từ Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế |




IX. Các vấn đề cần lưu ý khác:

- Không có.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Ban TGD;
- Lưu: VT, TKHĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Phúc Khoa